

Bản án số: 43/2022/DS - ST.

Ngày: 19 - 9 - 2022.

V/v “tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi H Hiệp.

2. Ông Võ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị H– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê H Như - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Triệu Văn U, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1957 và bà Lê Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Bùi V, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp A, xã An T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi V:

Bà Lê Ngọc N, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp A, xã An T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Ông Bùi Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp A, xã An T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Ông Bùi Trọng L, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp A, xã An T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3.2. Bà Bùi Thị P, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

4.2. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn K kiện ngày 20/7/2020 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Triệu Văn U và bà Nguyễn Thị B trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp có diện tích là 168,4m² là của ông, bà chuyển nhượng của ông Phạm Văn H vào ngày 18/02/2019 với diện tích là 2544,3m², khi chuyển nhượng có làm hợp đồng. Đến ngày 27/5/2019 được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ412727 thuộc thửa 748, tờ bản đồ 1 tọa lạc tại P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng diện tích là 2544,3m² do ông Triệu Văn U và bà Nguyễn Thị B đứng tên.

Trong quá trình sử dụng đất trên, ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị N có hành vi lấn chiếm sang phần đất của ông, bà có diện tích là 168,4m² thuộc một phần của thửa 748, tờ bản đồ 1 tọa lạc tại P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó, có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu yêu cầu nhưng hòa giải không thành. Đối với phần đất đang tranh chấp ông, bà không có sử dụng mà ông M, bà Mai sử dụng trên 30 năm nay nhưng khi chuyển nhượng ông H chuyển nhượng phần đất này.

Theo đơn K kiện ông Triệu Văn U và bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị N phải trả cho ông bà phần đất có số đo 281m² thuộc một phần của thửa 748, tờ bản đồ 1 tọa lạc tại P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng do ông, bà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế phần đất đang tranh chấp có diện tích là 168,4m² nên ông thống nhất diện tích thực tế này và yêu cầu ông M, bà Mai phải trả cho ông bà 168,4m² có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Triệu Văn U có số đo 4,43m + 35,85m + 5,3m + 38,69m.

- Hướng Tây giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn M có số đo 79,43m + 5,0m.

- Hướng Nam giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn H có số đo 0m.

- Hướng Bắc giáp lộ đal có số đo 0m.

Ông, bà thống nhất với số đo, tứ cận 748, tờ bản đồ 1 do ông, bà đang sử dụng; thửa số 14, tờ bản đồ 01 theo biên bản thẩm định tài sản ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú. Đồng thời thống nhất giá thỏa thuận theo biên bản thỏa thuận giá ngày 12/7/2022.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị N trình bày:

Người gốc phần đất đang tranh chấp có diện tích 168,4m² là của cha mẹ ông M có trước năm 1915, sau khi cha mẹ mất để lại cho bà Nguyễn Thị H1 (là chị ruột của ông M, hiện nay đã chết vào năm 2011) và phần đất trên gia đình ông sử dụng liên tục từ năm 1915 cho đến năm 2020 thì mới xảy ra tranh chấp. Phần đất trên, bà H1 đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B191042 thuộc thửa 14, tờ bản đồ 01 có diện tích 10.200m² tọa lạc tại P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên (giấy chứng nhận không có ngày tháng năm cấp). Sau khi bà H1 chết giao lại cho ông, bà sử dụng liên tục không có tranh chấp nhưng sau khi ông U về sinh sống thì mới xảy ra tranh chấp.

Trong quá trình sử dụng bà H1, gia đình bà D đều xác định ranh giữa hai bên là nửa nương. Đến ngày 07/10/2020 có sự chứng kiến của ban nhân dân ấp gồm ông C, Trần Văn X, ông Nguyễn Văn L, ông Võ Quốc K; đương sự gồm có ông U, bà D, ông M, bà Mai nên thống nhất cắm 20 cây cọc bê tông để xác định ranh như hiện nay nhưng không biết lý do tại sao ông N1, bà N1 lại tranh chấp.

Nay ông M, bà Mai không đồng ý trả cho ông N1, bà N1 diện tích phần đất theo đo đạc của Tòa án là 168,4m² vì:

- Nguồn gốc phần đất là của cha mẹ ông bà, sau đó để lại cho chị gái là bà H1 và bà H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phần đất trên gia đình của ông bà đã sử dụng liên tục từ năm 1915 cho đến năm 2020 là hơn 100 năm, không xảy ra tranh chấp, gia đình sử dụng công khai.

- Ngày 07/10/2020 có sự chứng kiến của ban nhân dân ấp gồm ông C, Trần Văn X, ông Nguyễn Văn L, ông Võ Quốc K; đương sự gồm có ông U, bà D, ông M, bà Mai nên thống nhất cắm 20 cây cọc để xác định ranh như hiện nay.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi V (chết vào năm 2022) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Ngọc N, ông Bùi Văn T, ông Bùi Trọng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị P trình bày:*

Ông Trí và bà P là con của bà Nguyễn Thị H1, năm 2011 bà H1 chết. Trong thời gian chung sống bà H1 có chồng là ông Bùi Văn Ruộng (đã chết vào năm 1969) và hai người con là Bùi V (chết năm 2022), Bùi Thị P. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà ngoại canh tác sử dụng từ năm 1915, sau khi ông bà ngoại chết giao lại cho bà Nguyễn Thị H1, Bà H1 đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B191042 thuộc thửa 14, tờ bản đồ 01 có diện tích 10.200m² tọa lạc tại P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên (giấy chứng nhận không có ngày tháng năm cấp). Năm 2011 bà H1 chết, phần đất đang tranh chấp giao lại cho cậu ruột là ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị N canh tác, sử dụng liên tục cho đến nay. Nay ông, bà đồng ý với ý kiến của bị đơn cụ thể không đồng ý trả cho ông N1, bà N1 diện tích phần đất theo đo đạc của Tòa án là 168,4m².

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án Thẩm phán, Hội đồng

xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các đương sự tham gia phiên Tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Triệu Văn U, bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị N phải trả cho ông, bà phần đất có diện tích 168,4 m² tọa lạc tại ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi V là ông Bùi Văn T, ông Bùi Trọng L vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt người làm chứng ông Phạm Văn H nhưng ông Phạm Văn H có lời khai trực tiếp với Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Về diện tích phần đất đang tranh chấp: Theo đơn K kiện ngày 20/7/2020 nguyên đơn K kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích đất là 281m² vì cho rằng thuộc thửa 748, tờ bản đồ 1 tọa lạc tại ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp là 168,4m² là loại đất trồng cây lâu năm, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận diện tích đất tranh chấp này. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn 168,4m² là loại đất trồng cây lâu năm. Nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xác định diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là 168,4m² là loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 168,4 m² thuộc thửa 748, tờ bản đồ 1 tọa lạc tại ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ412727 thuộc thửa 748, tờ bản đồ 1 tọa lạc tại ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng diện tích là 2544,3m² do ông Triệu Văn U và bà Nguyễn Thị B đứng tên. Bị đơn không đồng ý trả phần đất này vì cho rằng không có lần chiếm mà phần đất trên thuộc thửa 14, tờ bản đồ 01 có diện tích 10.200m² tọa lạc tại P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên (giấy chứng nhận không có ngày tháng năm cấp) đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B191042 (không có ngày tháng năm cấp). Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo như hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận thấy: Nguồn gốc phần đất của thửa 748, tờ bản đồ 1 do ông N1, bà N1 đứng tên là của ông, bà chuyển nhượng của ông Phạm Văn H vào ngày 18/02/2019 với diện tích là 2544,3m², khi

chuyển nhượng có làm hợp đồng. Đến ngày 27/5/2019 được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ412727 thuộc thửa 748, tờ bản đồ 1 tọa lạc tại P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng diện tích là 2544,3m² do ông Triệu Văn U và bà Nguyễn Thị B đứng tên; đối với thửa số 14, tờ bản đồ 01 có nguồn gốc là của cha mẹ ông M có trước năm 1915, sau khi cha mẹ mất để lại cho bà Nguyễn Thị H1 (là chị ruột của ông M, hiện nay đã chết vào năm 2011) và phần đất trên gia đình ông sử dụng liên tục từ năm 1915 và bà H1 được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B191042 thuộc thửa 14, tờ bản đồ 01 có diện tích 10.200m² tọa lạc tại ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên (giấy chứng nhận không có ngày tháng năm cấp). Bên cạnh đó, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, bị đơn không có tranh chấp trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định diện tích đất sử dụng hợp pháp được công nhận của ông Triệu Văn U, bà Nguyễn Thị B là 2544,3m² thuộc thửa 748, tờ bản đồ 1 và bà Nguyễn Thị H1 là 10.200 m² thuộc thửa 14, tờ bản đồ 01.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú cũng như tại sơ đồ vị trí của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thể hiện hiện trạng số đo thực tế như sau:

- Phần diện tích đất nguyên đơn đang sử dụng thuộc thửa số 748, tờ bản đồ 1 tọa lạc tại ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ412727 do ông Triệu Văn U và bà Nguyễn Thị B đứng tên có số đo và tứ cận như sau:

+ Hướng đông giáp phần đất của ông Nguyễn Hữu C có số đo 86,5m + 5,0m.

+ Hướng tây giáp với phần đất đang tranh chấp có số đo 4,43m + 35,85m + 5,3m + 38,69m.

+ Hướng nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn H có số đo 28,7m.

+ Hướng bắc giáp với lộ đê có số đo 29,4m.

Diện tích đang sử dụng thực tế là: 2364,1m².

- Phần diện tích đất bị đơn đang sử dụng thuộc thửa 14, tờ bản đồ 01 đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B191042 do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên (giấy chứng nhận không có ngày tháng năm cấp) có số đo và tứ cận như sau:

+ Hướng đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn H có số đo 61,98m + phần đất đang tranh chấp có số đo 79,43m + 05m.

+ Hướng tây giáp đất nghĩa địa của Ủy ban có số đo 43,10m + Trần Văn Ram có số đo 25m + Nguyễn Văn T có số đo 70,54m.

+ Hướng nam giáp phần đất của ông Trần Văn Ram có số đo 22,5m + Nguyễn Văn H có số đo 36,9m + Võ Quốc K có số đo 55,7m + 0,98m.

+ Hướng bắc giáp lộ đal có số đo 18,34m + 14,15m và ông Nguyễn Văn Tcó số đo 133,9m.

Diện tích đang sử dụng thực tế là: 9.967,9 m².

Qua xem xét tứ cận, diện tích phần đất nguyên đơn và bị đơn đang sử dụng thực tế so với tứ cận, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy rằng thửa 748 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tH1 180,2m², thửa 14 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tH1 232,1m². Bên cạnh đó, qua quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ xác định trên phần đất đang tranh chấp, ranh giới giữa hai phần đất có 20 cây cọc bê tông do nguyên đơn cắm và tại biên bản xác M ngày 12/5/2021 ông Hoàng M C – Phó trưởng ban nhân dân ấp Phú Hữu cho biết “Ngày 07/10/2020 các bên đương sự gồm có ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị N và ông Triệu Văn U, Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị D cùng với đại diện ban nhân dân ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là tôi ra tại phần đất đang tranh chấp giữa ông M và ông U để cắm cọc xác định ranh giới giữa hai bên. Sau khi hai bên thống nhất tiến hành cắm 20 cọc bê tông cốt thép giữa nương để xác định ranh giới giữa hai bên. Hiện trạng cọc ở vị trí mà hai bên thống nhất cắm vào ngày 07/10/2020 đúng với hiện trạng tòa án thẩm định hiện nay.....phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc gia đình ông M và sử dụng liên tục từ trước năm 1975 cho đến nay, không có tranh chấp” và phù hợp với biên bản xác M ngày 06/7/2021 ông Nguyễn Văn Nam – đại diện ban nhân dân ấp Phú Hữu cho biết “ Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Nguyễn thị H1, bà H1 đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B191042 cho bà H1. Bà H1 sử dụng phần đất trên liên tục đến năm 2011 bà H1 chết và để lại phần đất này cho ông M canh tác, không tranh chấp. Nhưng khi ông N1 sang nhượng thì đến năm 2020 thì mới xảy ra tranh chấp, bị đơn sử dụng liên tục cho đến nay đã trên 30 năm”; tại biên bản xác M ngày 02/7/2022 ông Trần Văn T cho rằng “ Vào năm 2012, thời điểm đó tôi làm thuê. Ông M có thuê tôi cải tạo vét hết nương. Thời điểm đó, tôi vét hết nương, ông M chỉ nương cho tôi vét nhưng hai bên đều không xảy ra tranh chấp”. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2021 của bà Nguyễn Thị D và tại phiên tòa khai “ Tôi khẳng định phần đất ông N1, bà N1 là đường thẳng, không phải đường cong như ông M, bà Mai trình bày; phần đất tranh chấp có diện tích 168,4m² chúng tôi không sử dụng và gia đình ông M, bà Mai sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay, gia đình tôi không sử dụng..Tôi có chứng kiến việc cắm cọc ranh giới nương giữa hai bên như biên bản thẩm định của Tòa án. Lúc đó có ông N1, bà N1 chứng kiến và thống nhất giữa các bên mỗi bên sử dụng nửa nương, hàng cọc cắm như hiện nay” và tại lời khai ngày 12/5/2021 ông Phạm Văn H khai “ Đối với phần đất đang tranh chấp có diện tích 168,4m² gia đình không có sử dụng mà gia đình ông M, bà Mai sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay, hai bên không có tranh chấp” và phù hợp với lời khai của nguyên đơn vì cho rằng không sử dụng phần đất trên mà do bị đơn sử dụng. Từ phân tích nêu trên, đủ căn cứ xác định gia đình bị đơn sử dụng phần đất 168,4 m² tọa lạc tại ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng từ trước năm 1975 đến năm 2020 (thời điểm xảy ra tranh chấp) là ngay tình, liên tục, công khai trên 30 năm thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu theo điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Từ nhận định nêu trên đã đủ căn cứ để xác định việc nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại phần đất có diện tích 168,4m² là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về chi phí thẩm định tài sản: Nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định tài sản theo quy định tại Điều 158, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú đề nghị không chấp nhận yêu cầu K kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 158; Điều 165; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Triệu Văn U, bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị N phải trả phần đất có diện tích 168,4m² (Loại đất trồng cây lâu năm) có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Triệu Văn U có số đo 4,43m + 35,85m + 5,3m + 38,69m.

- Hướng Tây giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn M có số đo 79,43m + 5,0m.

- Hướng Nam giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn H có số đo 0m.

- Hướng Bắc giáp lộ đạ có số đo 0m.

2. Về chi phí thẩm định tài sản: Ông Triệu Văn U, bà Nguyễn Thị B phải chịu 10.434.300 đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm đồng) tiền chi phí thẩm định tài sản. Ông Triệu Văn U và bà Nguyễn Thị B đã nộp xong tiền chi phí thẩm định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Triệu Văn U và bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006021 ngày 20/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú. Như vậy, ông Triệu Văn U và bà Nguyễn Thị B đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS, VP).

Dương Thị Thanh Hoa